

THÔNG TIN LUẬN ÁN TIỀN SĨ ĐƯA LÊN MẠNG

Tên đề tài luận án: Nghiên cứu giá trị tiên lượng của diện cắt vòng quanh ở bệnh nhân ung thư biểu mô trực tràng được điều trị phẫu thuật nội soi.

Chuyên ngành: Ngoại tiêu hóa Mã số: 62.72.01.25

Họ và tên nghiên cứu sinh: ĐẶNG HỒNG QUÂN

Họ và tên người hướng dẫn: PGS.TS. PHẠM VĂN NĂNG

PGS.TS. VÕ HUỖNH TRANG

Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

TÓM TẮT NHỮNG KẾT LUẬN MỚI CỦA LUẬN ÁN

Đây là luận án đầu tiên tại Việt Nam nghiên cứu về giá trị tiên lượng của DCVQ sau phẫu thuật nội soi điều trị UTBMTT. Luận án đã xác định:

- Tuổi trung bình là $61,09 \pm 10,57$ tuổi, lứa tuổi thường gặp nhất là 60 - 69 tuổi chiếm 41,5%, vị trí khối u đa số nằm ở trực tràng giữa và dưới chiếm tỷ lệ 86,2%. Kích thước khối u trung bình là $4,5 \pm 1,7$ cm.

- Đặc điểm giải phẫu bệnh của bệnh phẩm cho thấy khối u ở giai đoạn T3, T4a chiếm tỷ lệ 86,1%, di căn hạch N1 là 16%, di căn hạch N2 là 25,5%. Chất lượng bệnh phẩm phẫu thuật tốt chiếm 51,1%. Tỷ lệ diện cắt vòng quanh dương tính là 29,8%. Các yếu tố làm gia tăng tỷ lệ DCVQ (+) là u ở giai đoạn T4, u di căn hạch, chất lượng bệnh phẩm phẫu thuật không tốt.

- Phẫu thuật bảo tồn cơ thắt chiếm 78,7%, thời gian phẫu thuật trung bình là 237,5 phút. Không có tai biến xảy ra trong thời gian phẫu thuật và tất cả bệnh nhân đều được phẫu thuật nội soi thành công. Kết quả sớm cho thấy thời gian nằm viện trung bình là $9,27 \pm 2,5$ ngày, kỹ thuật an toàn, tỷ lệ biến chứng chung sau phẫu thuật: 10,6%, tỷ lệ xì miệng nối là 8,1%.

- Đánh giá kết quả lâu dài cho thấy tỷ lệ tái phát tại chỗ là 5,3%, tỷ lệ di căn xa là 12,8%. Tái phát tại chỗ - tại vùng tích lũy tại thời điểm 4 năm sau PT ở nhóm có DCVQ (+) là 14,4%, nhóm DCVQ (-) là 5,3%. Di căn xa tích lũy tại thời điểm 4 năm sau phẫu thuật ở nhóm có DCVQ (+) là 52,4%, nhóm DCVQ (-) là 13,9%. Thời gian sống thêm toàn bộ ở nhóm có DCVQ (-) là $45,5 \pm 1,3$ tháng so với $35,8 \pm 3,2$ tháng ở nhóm có DCVQ (+). Thời gian sống thêm không bệnh ở nhóm có DCVQ (-) là $43,1 \pm 1,8$ tháng so với $31,5 \pm 3,5$ tháng ở nhóm có DCVQ (+).

Cần Thơ, ngày 15 tháng 08 năm 2022

NGƯỜI HƯỚNG DẪN

NGHIÊN CỨU SINH

PGS.TS. Phạm Văn Năng

Đặng Hồng Quân

PGS.TS.Võ Huỳnh Trang

HIỆU TRƯỞNG

ONLINE Ph.D. DISSERTATION INFORMATION

Thesis: Prognostic value of the circumferential resection margin in rectal carcinoma patients undergoing laparoscopic surgery.

PhD student full name: DANG HONG QUAN

Specialty: Digestive surgery Code: 62.72.01.25

Instructor: 1. Associate Prof. PHAM VAN NANG MD, PhD

2. Associate Prof. VO HUYNH TRANG MD, PhD

Institution: Can Tho University of Medicine and Pharmacy.

New contributions of the thesis

This is the first thesis in Vietnam to study the prognostic value of CRM after laparoscopic surgery for rectal carcinoma. The thesis has identified:

- The average age is 61.09 ± 10.57 years old, the most common age is 60 - 69, accounting for 41.5%, The majority of tumor locations are in the middle and lower rectum, accounting for 86.2%. The mean tumor size was 4.5 ± 1.7 cm.

- The pathological characteristics of the specimens showed that the tumor was in the T3 and T4a stages, accounting for 86.1%, the N1 lymph node metastasis was 16%, the N2 was 25.5%. Good quality of surgical specimens accounted for 51.1%. The positive circumferential resection margin rate was 29,8%. Factors that increase the rate of positive circumferential resection margin are tumor at T4 stage, lymph node metastasis, poor quality of surgical specimens.

- Sphincter-preserving surgery accounted for 78.7%, the average surgery time was 237.5 minutes. There were no complications during surgery and all patients had a successful laparoscopic surgery. Early results showed that the average hospital stay was 9.27 ± 2.5 days, the technique was safe, the overall complication rate after surgery was: 10.6%, the rate of anastomotic leak was 8.1%.

- Evaluation of long-term results showed that the rate of local recurrence was 5.3%, the rate of distant metastasis was 12.8%. Cumulative local recurrence at 4 years after surgery in the group of patients with CRM (+) was 14.4%, the group with CRM (-) was 5.3%. Cumulative distant metastasis at 4 years after surgery in the group of patients with CRM (+) was 52.4%, the group with CRM (-) was 13.9%. Overall survival in the group with CRM (-) was 45.5 ± 1.3 months compared with 35.8 ± 3.2 months in the group with CRM (+). The disease-free

survival in the group with CRM (-) was 43.1 ± 1.8 months compared with 31.5 ± 3.5 months in the group with CRM (+).

Can Tho City, 15th August 2022

Supervisor

Ph.D. candidate

Associate Professor PhD PHAM VAN NANG

Associate Professor PhD VO HUYNH TRANG

Dang Hong Quan

President